

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Như Kiều.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Bích Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2020/TLST-HS, ngày 02 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với:

Bị cáo: Châu B, sinh năm: 1995; tại huyện A, tỉnh G; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện A, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm thuê; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu H và bà Thị D anh chị em ruột: Không; chưa có vợ, con; tiền sự: Một, ngày 28/8/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện A, tỉnh G ra quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn áp dụng là 03 tháng, kể từ ngày 31/8/2017; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- ***Bị hại:*** Chị Trần Thị N sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp 04, xã B, huyện T, tỉnh G (Có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. NLQ1, sinh năm: 1966; địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện A, tỉnh G (Có mặt).

2. NLQ2, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp 02, xã B, huyện T, tỉnh G (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm: 1969 (Vắng mặt);

2. NLC2, sinh năm: 1972 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 04, xã B, huyện T, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường; biên bản ghi lời khai; phiếu bảo hành; kết luận định giá tài sản; quyết định áp dụng biện pháp giáo dục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Bảy Ngàn; biên bản hỏi cung bị can và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 12/7/2019, chị Trần Thị N chạy ghe máy đi bơm nước lên ruộng lúa thuộc ấp 08, xã V, huyện T, tỉnh G. Đến nơi, chị N đậu ghe máy ở đầu kênh ngay ruộng lúa, tháo chân vịt ra khỏi láp và bỏ trong ghe của mình rồi đi lên thăm ruộng, đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, chị N quay lại thì phát hiện cái máy xăng Honda để trên ghe bị mất cùng với dàn láp. Sau đó, chị N với chị N1 cùng nhau đi tìm, khi đến nhà Châu B thì chị N phát hiện chiếc máy Honda của mình đang ở trên xuồng phía sau nhà Châu B; sau đó, chị N trình báo sự việc với Cơ quan Công an.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 1126/KL-HĐ.ĐGTS, ngày 05/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã kết luận: Tổng giá trị tài sản là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-HVT, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã truy tố bị cáo Châu B về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; bị cáo, bị hại, người liên quan không ai có ý kiến gì về thủ tục tố tụng đối với họ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Châu B là đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, không ai có yêu cầu nên không xem xét.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Không ai có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt do phạm tội lần đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục

[2.1] Bị cáo, người liên quan chị NLQ1 là người dân tộc Khmer, bị cáo không biết chữ, bị cáo và người liên quan nghe, nói, hiểu và trả lời được bằng tiếng Việt; bị cáo và người liên quan không sử dụng tiếng dân tộc mình, không yêu cầu người phiên dịch nên không xem xét.

[2.2] Người liên quan anh NLQ2, quá trình điều tra không có yêu cầu gì, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt; người làm chứng: anh NLC1 và chị NLC2 hiện không có mặt tại địa phương, trước đó họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Vào khoảng 06 giờ sáng ngày 12/7/2019, tại ấp 08, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang bị cáo Châu B đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc máy Honda, động cơ GX160T2QAB3, số máy/số khung GCBRT-1925129 của chị Trần Thị N đang để trên ghe máy qua chiếc xuồng của bị cáo

rồi bơi về, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 3.750.000đ, bị cáo nhận thức rõ hành vi lấy trộm tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, nhưng cố ý thực hiện. Theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Như vậy, hành vi của bị cáo Châu B đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai bị cáo phù hợp với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, lời khai bị hại, lời khai người liên quan và lời khai người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề xuất mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù là tương xứng với hành vi và hậu quả bị cáo gây ra cho xã hội; vật chứng của vụ án đã được thu hồi, trả lại cho bị hại nên không xem xét.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Bị cáo chưa có tiền án; có một tiền sự, vào ngày 28/8/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện A, tỉnh G ra quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn áp dụng là 03 tháng, kể từ ngày 31/8/2017; như vậy, đến ngày 31/8/2019 mới hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; không biết chữ nên nhận thức pháp luật bị hạn chế; là người dân tộc. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong ngày 12/7/2019, kiểm tra ma túy thì bị cáo dương tính (BL 74), cho thấy sau khi bị áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn, bị cáo không chấp hành đúng chính sách, pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản; người liên quan đã nhận lại tài sản là chiếc xuồng, sau khi nhận lại tài sản không ai có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Xử lý vật chứng: chiếc máy Honda, động cơ GX160T2QAB3, số máy/số khung GCBRT-1925129 của bị hại. Đã được Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại, nên không xử lý.

[9] Về án phí, theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự thì: “*Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án*”. Theo điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định: “*Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm*”, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 29, 292, 293, 298, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Châu B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Châu B 06 (Sáu) tháng tù.

Thời gian phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

3. *Vật chứng của vụ án:* Đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho bị hại nên không xử lý.

4. *Án phí hình sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Châu B phải nộp: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang.
- VKSND huyện Vị Thủy.
- Công an huyện Vị Thủy.
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.
- Công TTĐT (để công bố).

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng